

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện 5 năm Chương trình Truyền thông Dân số
đến năm 2030 theo Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020
của Thủ tướng Chính phủ**

Thực hiện Công văn số 2589/SYT-DS ngày 12/11/2025 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân xã Ba Dinh báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030 theo Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- UBND xã Ba Dinh đã triển khai thực hiện Chương trình truyền thông dân số theo hướng dẫn của Sở Y tế và Trung tâm Y tế Ba Tơ. Tổ chức tuyên truyền định kỳ trên hệ thống loa truyền thanh xã, thôn, với tần suất trung bình 1 lần/tháng. Phối hợp Trạm Y tế xã tổ chức các buổi truyền thông nhóm, tư vấn hộ gia đình về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, phòng tránh tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Hàng năm tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Dân số Thế giới (11/7), Ngày Quốc tế Người cao tuổi (1/10), Tháng hành động quốc gia về dân số (tháng 12)... Duy trì và phát huy vai trò cộng tác viên dân số tại các thôn trong việc nắm bắt biến động dân cư, tuyên truyền chính sách dân số đến từng hộ gia đình.

- Công tác phối hợp liên ngành được tăng cường. Các cơ quan, ngành, đoàn thể như: Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Người cao tuổi... đã phối hợp tổ chức nhiều hoạt động truyền thông, tuyên truyền lồng ghép về dân số trong các phong trào, cuộc vận động, góp phần nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân về quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số.

2. Kết quả thực hiện, khó khăn, hạn chế của một số nội dung chủ yếu về công tác dân số

2.1. Điều chỉnh mức sinh

a) Kết quả thực hiện chỉ tiêu:

- Tỷ suất sinh thô duy trì ở mức ổn định, đạt khoảng 13,76 ‰.

- Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại đạt trên 80%, góp phần duy trì mức sinh thay thế ổn định.

- Dân số tự nhiên tăng chậm, phù hợp với định hướng kiểm soát quy mô dân số và nâng cao chất lượng dân số của Chương trình.

b) Kết quả hoạt động tuyên truyền, vận động về duy trì mức sinh thay thế

Công tác tuyên truyền, vận động duy trì mức sinh thay thế được triển khai thường xuyên, đa dạng về nội dung và hình thức: Tổ chức các buổi truyền thông trực tiếp tại thôn, trường học, trạm y tế, lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của các tổ chức CT-XH. Phát tờ rơi, pano, chuyên mục phát thanh với nội dung về lợi ích của việc sinh đủ 2 con, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình. Đẩy mạnh truyền thông trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở và qua mạng xã hội (Zalo, Facebook) giúp người dân dễ tiếp cận thông tin.

c) Tồn tại, hạn chế tuyên truyền, vận động về duy trì mức sinh thay thế

Một bộ phận người dân vẫn còn tư tưởng muốn sinh nhiều con, trọng nam khinh nữ, ảnh hưởng đến kết quả điều chỉnh mức sinh; nguồn kinh phí cho công tác truyền thông còn hạn chế, chưa đủ để tổ chức thường xuyên, đa dạng các hình thức tuyên truyền; đội ngũ cộng tác viên dân số còn thiếu, kiêm nhiệm nhiều việc, chưa được tập huấn thường xuyên nên kỹ năng truyền thông còn hạn chế.

2.2. Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh

a) Kết quả thực hiện chỉ tiêu

Trong giai đoạn 2020 – 2025, công tác tuyên truyền, vận động giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn được triển khai thường xuyên và có chuyển biến tích cực.

- Tỷ số giới tính khi sinh được duy trì ở mức tương đối ổn định, không xảy ra tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Nhận thức của người dân về hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh được nâng cao; tình trạng lựa chọn giới tính thai nhi có xu hướng giảm, năm 2025 là 101,5 bé trai/100 bé gái.

- Các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ ngày càng ý thức rõ hơn về việc sinh con theo tự nhiên, không phân biệt giới tính.

- Nhìn chung, mất cân bằng giới tính khi sinh được kiểm soát tốt, góp phần vào mục tiêu duy trì cơ cấu giới tính bền vững theo định hướng của Chương trình Dân số quốc gia.

b) Kết quả hoạt động tuyên truyền, vận động về giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Tổ chức hội nghị, buổi truyền thông trực tiếp tại các thôn, trường học về bình đẳng giới, giá trị của trẻ em gái và hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh; lồng ghép nội dung tuyên truyền vào các cuộc họp thôn, sinh hoạt chi hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội nông dân, giúp người dân dễ hiểu, dễ nhớ; Phát sóng chuyên mục tuyên truyền dân số trên hệ thống loa truyền thanh của xã, tuyên truyền lưu động, treo băng rôn, pa-nô tại nơi công cộng.

- Phối hợp với trạm Y tế, trường học, các đoàn thể trong việc tư vấn tiền hôn nhân, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; tăng cường vai trò của cộng tác viên dân số trong việc tiếp cận hộ gia đình, tư vấn trực tiếp cho các cặp vợ chồng có nguy cơ sinh con thứ 3 hoặc mong muốn sinh con trai.

c) Tồn tại, hạn chế tuyên truyền, vận động về giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh

- Một bộ phận người dân vẫn còn tư tưởng trọng nam, xem nhẹ vai trò của con gái; nhận thức về hậu quả lâu dài của mất cân bằng giới tính khi sinh chưa thật sự sâu rộng, nhất là trong nam giới.

- Kinh phí và nhân lực truyền thông còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của Chương trình; đội ngũ cộng tác viên dân số còn thiếu kỹ năng chuyên sâu về bình đẳng giới.

2.3. Nâng cao chất lượng dân số

a) Kết quả thực hiện chỉ tiêu

- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân đạt 32%; trẻ sơ sinh tại Bệnh viện tuyến tỉnh đều được sàng lọc sau sinh, góp phần phát hiện sớm và can thiệp kịp thời các bệnh, tật bẩm sinh.

- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được quản lý, chăm sóc thai kỳ đầy đủ đạt trên 90%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm còn 23%.

b) Kết quả hoạt động tuyên truyền, vận động về nâng cao chất lượng dân số

- Tổ chức các buổi truyền thông trực tiếp, lồng ghép hội nghị tại thôn, trường học, trạm y tế về chăm sóc sức khỏe sinh sản, tiền hôn nhân, phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

- Lồng ghép tuyên truyền trong các hoạt động của Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Người cao tuổi, qua đó mở rộng phạm vi tiếp cận đến nhiều nhóm dân cư.

c) Tồn tại, hạn chế tuyên truyền, vận động về nâng cao chất lượng dân số

- Nhận thức của một bộ phận người dân, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa về khám sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc trước sinh và sơ sinh còn hạn chế.

- Kinh phí dành cho công tác truyền thông còn thấp, chưa đủ để tổ chức các hoạt động tuyên truyền sâu rộng.

2.4. Thích ứng với già hóa dân số

a) Kết quả thực hiện chỉ tiêu

- Tỷ lệ người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế đạt 100%, đảm bảo tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

- Hầu hết người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ, tư vấn dinh dưỡng và tập luyện thể dục thể thao phù hợp.

b) Kết quả hoạt động tuyên truyền, vận động về thích ứng với già hóa dân số

- Tổ chức các buổi truyền thông trực tiếp tại thôn, câu lạc bộ người cao tuổi về chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần, dinh dưỡng và phòng chống bệnh tật tuổi già.

- Phối hợp với Hội Người cao tuổi, Trạm Y tế xã và các đoàn thể tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tư vấn về chế độ dinh dưỡng, tập luyện phù hợp cho người cao tuổi.

- Tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh, qua các bản tin, pano, tờ rơi về vai trò, vị thế của người cao tuổi trong gia đình và xã hội, khuyến khích con cháu chăm sóc, phụng dưỡng ông bà, cha mẹ.

- Lồng ghép nội dung thích ứng với già hóa dân số trong các hoạt động của Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên nhằm nâng cao nhận thức cho các thế hệ về trách nhiệm chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi.

c) Tồn tại, hạn chế tuyên truyền, vận động về thích ứng với già hóa dân số

- Một bộ phận người dân vẫn chưa nhận thức đầy đủ về xu hướng già hóa dân số và nhu cầu chăm sóc người cao tuổi.

- Kinh phí tổ chức hoạt động truyền thông còn hạn hẹp, nên quy mô và tần suất còn thấp, chưa bao phủ rộng khắp.

- Một số người cao tuổi có điều kiện kinh tế khó khăn, sức khỏe yếu, hạn chế tham gia các hoạt động cộng đồng, gây khó khăn cho công tác tuyên truyền trực tiếp.

3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về truyền thông dân số

- Nội dung tuyên truyền được triển khai đa dạng, phong phú, bám sát các chủ đề trọng tâm: duy trì mức sinh thay thế; giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; nâng cao chất lượng dân số; thích ứng với già hóa dân số; phát huy vai trò người cao tuổi.

- Các hình thức tuyên truyền gồm: Tổ chức hội nghị, truyền thông trực tiếp tại thôn, trường học, cơ quan, đơn vị. Phát thanh chuyên mục, loa truyền thanh, pano, áp phích, tờ rơi, mạng xã hội (Zalo, Facebook); Lồng ghép nội dung dân số vào các chương trình, phong trào của các đoàn thể: Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Người cao tuổi.

- Các ban, ngành, đoàn thể tích cực phối hợp trong hoạt động truyền thông dân số, góp phần mở rộng phạm vi tiếp cận và nâng cao hiệu quả.

- Hội Phụ nữ tuyên truyền lồng ghép nội dung dân số trong phong trào “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”; Đoàn Thanh niên tổ chức sinh hoạt chuyên đề về sức khỏe sinh sản vị thành niên, tiền hôn nhân; Hội Nông dân vận động hội viên thực hiện sinh đủ 2 con, chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Trạm y tế xã phối hợp tổ chức khám sức khỏe, tư vấn, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Trong 5 năm qua (2020 – 2025), dưới sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể, công tác truyền thông dân số trên địa bàn đạt được nhiều kết quả tích cực:

- Nhận thức của người dân về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số được nâng lên rõ rệt; hành vi thực hiện kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản từng bước thay đổi theo hướng tích cực.
- Công tác điều chỉnh mức sinh được duy trì ổn định ở mức thay thế; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên giảm dần qua các năm.
- Mất cân bằng giới tính khi sinh từng bước được kiểm soát; nhiều địa phương đã chủ động triển khai mô hình, hoạt động tuyên truyền hiệu quả.
- Chất lượng dân số được cải thiện, tỷ lệ phụ nữ khám sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc trước sinh và sơ sinh tăng; tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em giảm.
- Người cao tuổi được quan tâm, chăm sóc, phát huy vai trò trong cộng đồng.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác truyền thông dân số vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Một bộ phận người dân vẫn chưa nhận thức đầy đủ về chính sách dân số, bình đẳng giới và chăm sóc sức khỏe sinh sản.
- Tình trạng sinh con thứ 3 vẫn còn xảy ra ở một số thôn, tư tưởng trọng nam, xem nhẹ con gái vẫn tồn tại trong cộng đồng.
- Một số hoạt động truyền thông còn mang tính hình thức, chưa sâu rộng, chưa có nhiều hình thức sáng tạo, thu hút đối tượng trẻ.
- Kinh phí cho công tác truyền thông còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền quy mô lớn.
- Đội ngũ cộng tác viên dân số tại cơ sở còn thiếu, kiêm nhiệm nhiều công việc, kỹ năng truyền thông chưa đồng đều.
- Công tác phối hợp liên ngành đôi lúc chưa đồng bộ; việc lồng ghép nội dung truyền thông dân số trong các chương trình, phong trào của đoàn thể chưa thường xuyên.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan:

- Một số yếu tố văn hóa, phong tục, tập quán lâu đời (trọng nam, thích đông con) vẫn ảnh hưởng mạnh mẽ đến hành vi sinh sản của người dân.
- Đời sống kinh tế ở một số vùng còn khó khăn, mức độ tiếp cận thông tin dân số chưa đồng đều, đặc biệt ở khu vực vùng sâu, vùng xa.
- Kinh phí và nguồn lực hỗ trợ từ cấp trên còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu triển khai các mô hình truyền thông mới.

- Công nghệ thông tin, phương tiện truyền thông hiện đại chưa được ứng dụng mạnh mẽ ở tuyến cơ sở.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thật sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên đối với công tác dân số và truyền thông dân số.

- Công tác tham mưu, phối hợp liên ngành đôi khi chưa chủ động, còn lúng túng trong việc xác định nội dung, phương thức truyền thông phù hợp.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng truyền thông cho cán bộ, cộng tác viên còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu mới.

- Công tác sơ kết, tổng kết, nhân rộng mô hình hay, cách làm tốt chưa được chú trọng thường xuyên.

4. Bài học kinh nghiệm

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền là yếu tố then chốt bảo đảm thành công của công tác truyền thông dân số.

- Cần phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác truyền thông, vận động thay đổi hành vi.

- Truyền thông phải đa dạng hóa hình thức, kết hợp giữa truyền thông trực tiếp và gián tiếp, giữa tuyên truyền đại chúng và tư vấn cá nhân, phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, cộng tác viên dân số, thường xuyên tập huấn, cập nhật kiến thức và kỹ năng truyền thông.

- Lồng ghép công tác truyền thông dân số với các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bình đẳng giới và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- Biểu dương, nhân rộng các mô hình, cách làm hay, đồng thời rút kinh nghiệm, khắc phục kịp thời các tồn tại trong quá trình triển khai.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030 theo Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, gắn với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, từng bước giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Nâng cao chất lượng dân số, chú trọng các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, sàng lọc trước sinh, sơ sinh, khám sức khỏe tiền hôn nhân, chăm sóc người cao tuổi.

- Đổi mới nội dung, phương thức truyền thông, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội và các nền tảng truyền thông mới.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng truyền thông cho đội ngũ cán bộ, cộng tác viên dân số, bảo đảm có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ.
- Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, huy động sự tham gia tích cực của đoàn thể, tôn giáo, cộng đồng trong công tác truyền thông dân số.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả các mô hình truyền thông, kịp thời nhân rộng những mô hình, điển hình tiên tiến.

2. Giải pháp chủ yếu

2.1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

- Tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên đối với công tác truyền thông dân số.
- Đưa các chỉ tiêu về dân số và truyền thông dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương.
- Kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển, phân công rõ trách nhiệm cho từng thành viên.

2.2. Về hoạt động truyền thông, giáo dục

- Đẩy mạnh truyền thông thay đổi hành vi, hướng đến các nhóm đối tượng cụ thể (thanh niên, vị thành niên, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, nam giới, người cao tuổi).
- Tăng cường tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh, pa-nô, áp phích, mạng xã hội, cổng thông tin điện tử.
- Tổ chức các chiến dịch truyền thông cao điểm, ngày Dân số Việt Nam 26/12, ngày Quốc tế Người cao tuổi 01/10, Tháng hành động vì trẻ em, v.v.
- Lồng ghép tuyên truyền dân số với chương trình bình đẳng giới, y tế học đường, sức khỏe sinh sản vị thành niên, kế hoạch hóa gia đình, v.v.
- Về phát triển nguồn nhân lực

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng truyền thông cho cán bộ dân số, cộng tác viên cơ sở.

Khuyến khích đội ngũ cán bộ dân số chủ động học tập, cập nhật thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, quản lý dữ liệu dân số.

2.3. Về nguồn lực và cơ chế chính sách

- Bảo đảm kinh phí thực hiện các hoạt động truyền thông dân số từ ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác.
- Huy động xã hội hóa, tài trợ, viện trợ, đặc biệt từ các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn cho các hoạt động truyền thông.
- Đề xuất chính sách động viên, khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác dân số.

2.4. Về phối hợp liên ngành

- Tăng cường phối hợp giữa ngành Y tế, Văn hóa, Giáo dục, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Người cao tuổi... trong tuyên truyền, vận động.

- Lồng ghép nội dung dân số vào các phong trào thi đua, chương trình mục tiêu quốc gia, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

2.5. Về công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất, đảm bảo các hoạt động truyền thông dân số triển khai đúng kế hoạch, đạt hiệu quả.

- Tăng cường thông kê, báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện, phục vụ việc hoạch định chính sách và xây dựng kế hoạch giai đoạn tiếp theo.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kính đề nghị Trung ương và tỉnh:

- Tiếp tục duy trì, bổ sung nguồn kinh phí cho công tác truyền thông dân số, đặc biệt là hoạt động truyền thông trực tiếp tại cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

- Cung cấp tài liệu, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ truyền thông dân số, phù hợp với giai đoạn mới và xu hướng truyền thông hiện đại.

- Tiếp tục đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ dân số, cộng tác viên, tuyên truyền viên cơ sở về kỹ năng truyền thông, tư vấn, vận động thay đổi hành vi.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai các hoạt động truyền thông dân số ở cơ sở; tổ chức sơ kết, tổng kết định kỳ để rút kinh nghiệm, nhân rộng mô hình hiệu quả.

- Tổ chức các chiến dịch truyền thông tập trung gắn với các ngày kỷ niệm, sự kiện dân số, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

- Hỗ trợ cơ sở trong ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội, phần mềm quản lý dân số, góp phần hiện đại hóa công tác truyền thông.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030 theo Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ của Ủy ban nhân dân xã Ba Đình./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Quảng Ngãi;
- CT, các PCT UBND xã;
- Văn phòng HĐND&UBND;
- Phòng Văn hóa - Xã hội;
- Các tổ chức CT-XH xã;
- Các Trạm Y tế xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Nhung

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BA DINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC BÁO CÁO

**Sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030 theo Quyết định số 537/QĐ-TTg
ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /11/2025 của Ủy ban nhân dân xã Ba Dinh)

I. Tổng hợp văn bản chỉ đạo điều hành Chương trình

T	Cơ quan ban hành	Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành	Tên đầy đủ của văn bản	Tóm tắt nội dung liên quan đến chính sách
	Văn bản của Tỉnh ủy			
I	Văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh			
III	Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh			
1	UBND tỉnh QN	Số 1332/QĐ-UBND, ngày 09/09/2020	QUYẾT ĐỊNH :về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện chiến lược Dân số của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030	Thực hiện chiến lược Dân số của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030
2	UBND tỉnh QN	Số 74/KH-UBND, ngày	KẾ HOẠCH :Thực hiện Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành Dân số tỉnh Quảng	Điều chỉnh mức sinh của tỉnh Quảng Ngãi đến năm

		04/05/2021	Ngãi đến năm 2030	2030
3	UBND tỉnh QN	Số 650/QĐ-UBND, ngày 10/05/2021	QUYẾT ĐỊNH :về việc ban hành Chương trình điều chỉnh mức sinh của tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030	Điều chỉnh mức sinh của tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030
4	UBND tỉnh QN	Số 95/KH-UBND, ngày 10/05/2021	KẾ HOẠCH :Thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sau sinh tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030	Mở rộng tầm soát, chẩn đoán điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sau sinh tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030
V	Văn bản của Ban Chỉ đạo Dân số và Phát triển tỉnh			
V	Văn bản của Sở Y tế			

II. Tình hình thực hiện các yêu cầu nhiệm vụ của Chương trình

1. Một số chỉ số trong công tác dân số

TT	Nội dung	Đơn vị	2020	2021	2022	2023	2024	2025
	Tổng tỉ suất sinh	Con/ phụ nữ	2,1con/ phụ nữ	2,1con/ phụ nữ	2,1con/ phụ nữ	2,1con/ phụ nữ	2,1con/p hụ nữ	2,1con/p hụ nữ
	Tỉ lệ sinh con ở người chưa thành niên	%	30,1	19,3	21,1	27,6	24,7	11,5
	Tỉ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái	108,1/100	109/100	110/100	110/100	105,1/100	101,5/100

	Tỉ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn	%	13,8%	13,2%	14,1%	14,1%	31,3%	32%
	Tỉ lệ cặp tảo hôn	%	0	0	0	0	0	0
	Tỉ lệ cặp hôn nhân cận huyết	%	0	0	0	0	0	0
	Tỉ lệ xã, phường đạt tiêu chí môi trường thân thiện với người cao tuổi	%	0	0	0	0	0	0
	Tỉ lệ người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung	%	98%	98%	98%	98%	98%	100%

Ghi chú:

2. Tuyên truyền vận động và truyền thông giáo dục

T	Tên hoạt động	Đối tượng tác động	Đơn vị thực hiện/ phối hợp	Kết quả (Theo hằng năm 2020-2025)	2020	2021	2022	2023	2024	2025
	Truyền thông vận động (Cấp ủy Đảng, chính quyền và những người có uy tín trong cộng đồng)									
.1	Cung cấp thông tin cho cấp ủy, chính quyền, người có uy tín trong cộng đồng về công tác dân số và phát triển (DS&PT)	Các sở/ban/ ngành/đoàn thể	BCĐ công tác dân số	Số cuộc S ố lượt th	1cuộc/ 52 người tham			2cuộc /123 người tham dự	3cuộc /155 người tham dự	2cuộc /104 người tham dự

				am dự	dự					
.2	Tuyên truyền các văn bản pháp luật về công tác DS&PT	Các sở/ban/ngành/đoàn thể	BCĐ công tác dân số	Số cuộc Số lượt tham dự	2cuộc/ 105 người tham dự			3cuộc/ 159 người tham dự	3cuộc/ 201 người tham dự	2cuộc/ 175 người tham dự
.3	Truyền thông lồng ghép hội nghị Triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, giao ban (<i>cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, hội nghị, họp tổ dân phố....</i>)	Lãnh đạo các cấp, Ban điều hành khu phố, tổ dân phố	BCĐ công tác dân số	Số cuộc Số lượt tham dự	1cuộc/ 67ngườ i tham dự			1cuộc/ 76ng ười tham dự	1cuộc/ 100n gười tham dự	1cuộc/ 102 người tham dự
Truyền thông nhân các sự kiện (Có 6 sự kiện trong một năm) Kết quả (Theo hằng năm 2020-2025) (<i>Lễ mít tinh, cổ động, diễn hành, hội thảo, hội nghị, nói chuyện chuyên đề; tọa đàm, nói chuyện chuyên đề; số chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tin bài trên đài, báo; số lượng tờ rơi, băng rôn, pano, áp-phích; số lượt tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh xã, phường...</i>)										
.1	Các hoạt động truyền thông hưởng ứng ngày Thalassemia thế giới	Tất cả các nhóm đối tượng	Chi cục DS	Số cuộc Số lượt tham dự	3cuộc/ 71 người tham dự			2cuộc/ 82 người tham dự	2cuộc/ 98 người tham dự	2cuộc/ 117n gười tham dự
.2	Các hoạt động truyền thông hưởng ứng ngày Dân số thế giới 11/7	Tất cả các nhóm đối tượng	Chi cục DS	Số cuộc Số lượt tham dự	2 cuộc/6 6 người tham dự			2cuộc/ 71 người tham dự	2cuộc/ 91 người tham dự	2cuộc/ 64 người tham dự
.3	Các hoạt động truyền thông hưởng ứng ngày tránh thai thế giới 26/9	Tất cả các nhóm đối tượng	Chi cục DS	Số cuộc Số lượt tham dự	2cuộc/ 61 người tham dự			4 cuộc/ 212 người tham dự	2cuộc/ 77 người tham dự	2cuộc/ 83 người tham dự

								dự		
.4	Các hoạt động truyền thông hưởng ứng ngày Quốc tế Người cao tuổi 01/10	Tất cả các nhóm đối tượng	Chi cục DS	Số cuộc Số lượt tham dự				4cuộc /207 người tham dự	3cuộc /124 người tham dự	5cuộc /266 người tham dự
.5	Các hoạt động truyền thông hưởng ứng ngày Quốc tế Trẻ em gái 11/10	Tất cả các nhóm đối tượng	Chi cục DS	Số cuộc Số lượt tham dự				4cuộc /212 người tham dự	2cuộc /73 người tham dự	2cuộc /85 người tham dự
.6	Các hoạt động truyền thông hưởng ứng ngày Dân số Việt Nam và tháng hành động Quốc gia về dân số	Tất cả các nhóm đối tượng		Số cuộc Số lượt tham dự				2cuộc /77 người tham dự	2cuộc /60 người tham dự	2cuộc /73 người tham dự
Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng Kết quả (Theo hằng năm 2020-2025)										
.1	Xây dựng chuyên trang về DS&PT truyền thông trên báo của tỉnh/TP	Tất cả các nhóm đối tượng	Báo tỉnh	Số lượng chuyên trang, tin bài	0	0	0	0	0	0
.2	Đưa tin, bài về công tác DS&PT trên các báo (báo in, báo điện tử, bản tin chuyên ngành Y tế- Dân số, trang website của Sở Y tế, TTYT cấp huyện...)	Tất cả các nhóm đối tượng	Chi cục DS	Số lượng tin, bài trên báo in, báo điện tử.	0	0	0	0	0	0

.3	Phối hợp với Đài PTTH tỉnh/TP đưa tin, bài về DS&PT.	Tất cả các nhóm đối tượng	Đài PTTH	Số lượng chuyên mục, phóng sự phát sóng	0	0	0	0	0	0
.4	Tuyên truyền trên sóng phát thanh, loa truyền thanh ở huyện, phường, xã.	Đài PTTH	BCĐ công tác DS huyện, xã	Số lượng tin/bài Số lần phát sóng	1/1	1/1	1/1	1/1	0	0
Sử dụng sản phẩm và trang thiết bị truyền thông (Nói rõ nội dung của từng sản phẩm). Kết quả (Theo hằng năm 2020-2025)										
.1	Video spot nội dung về: ích lợi từ sàng lọc trước sinh và sơ sinh, tan máu bẩm sinh, sức tàn phá của bệnh tan máu bẩm sinh, ngày dân số thế giới...	Tất cả các nhóm đối tượng	Chi cục DS	Số lượng Tần suất	0	0	0	0	0	0
.2	Radio Spot	Tất cả các nhóm đối tượng		Số lượng Tần suất	0	0	0	0	0	0
.3	Pano	Tất cả các nhóm đối tượng		Số lượng Tần suất	0	0	0	0	0	0
.4	Áp phích	Tất cả các nhóm đối tượng		Số lượng Tần suất	0	0	0	0	0	0
.5	Băng rôn	Tất cả các nhóm đối tượng		Số lượng Tần suất				2	2	2

.6	Tờ rơi: về mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên/thành niên...	Tất cả các nhóm đối tượng		Số lượng Tần suất				90	70	77
.7	Sử dụng sách mỏng, tranh lật, sổ tay....	Tất cả các nhóm đối tượng		Số lượng Tần suất	0	0	0	0	0	0
.8	Trang thiết bị truyền thông: loa đài, trang thiết bị nghe nhìn....	Tất cả các nhóm đối tượng		Số lượng mỗi loại	0	0	0	0	0	0
.9	Khác....				0	0	0	0	0	0
Truyền thông kỹ thuật số trên Internet và mạng xã hội Kết quả (Theo hằng năm 2020-2025)										
.1	Các hoạt động truyền thông trên trang fanpage, website của Chi cục.	Tất cả các nhóm đối tượng	Chi cục DS	Số tin Lượt tương tác	0	0	0	0	0	0
.2	Các hoạt động truyền thông thông qua kênh YouTube, Zalo, TikTok... của Chi cục.	Tất cả các nhóm đối tượng	Chi cục DS	Số tin Lượt tương tác	0	0	0	0	0	0

	Truyền thông phối hợp với các sở, ban ngành, đoàn thể, hội tại địa phương Kết quả (Theo hằng năm 2020-2025)									
.1	Phối hợp tổ chức hoạt động truyền thông triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh.	Lãnh đạo UBND, các sở/ban/ngành, thành viên BCĐ công tác dân số	Chi cục DS	Số cuộc Lượt tham dự	0	0	0	0	0	0
.2	Tuyên truyền lồng ghép các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về công tác DS&PT vào các buổi họp, tập huấn, sinh hoạt đoàn thể do các sở, ban, ngành, đoàn thể thực hiện.			Số cuộc Số người tham dự				1cuộc /75ng ười tham dự	1cuộc /47ng ười tham dự	1cuộc /53ng ười tham dự
.3	Phối hợp với các sở/ban/ngành....tổ chức các hoạt động về nội dung DS&PT.			Số cuộc Số người tham dự				1cuộc /71ng ười tham dự	1cuộc /57ng ười tham dự	1cuộc /50ng ười tham dự
.4	Nói chuyện chuyên đề, tọa đàm, thảo luận... về DS&PT cho đối tượng của các sở, ban, ngành, đoàn thể, hội do cán bộ dân số trực tiếp triển khai			Số cuộc Số người tham dự				1cuộc /73ng ười tham dự	1cuộc /50ng ười tham dự	1cuộc /45ng ười tham dự
	Các hoạt động truyền thông thường xuyên về dân số tại cơ sở. Kết quả (Theo hằng năm 2020-2025)									
.1	Tư vấn tại hộ gia đình	Người dân	CTV dân số, khu phố	Số cuộc Số người				3cuộc	2cuộc	1cuộc

				được tư vấn				/16 người được tư vấn	/10 người được tư vấn	/5 người được tư vấn
.2	Truyền thông, tư vấn tại trạm y tế	Người dân	Viên chức dân số, cán bộ y tế	Số cuộc Số người được tư vấn				10 cuộc /185	6 cuộc /220	8 cuộc /189
.3	Phối kết hợp truyền thông tại các hoạt động văn hóa, thể thao... tại cộng đồng (<i>thôn, bản, sinh hoạt văn hóa khác trên địa bàn</i>)	Phụ nữ 15-49, người dân	Trạm y tế, cán bộ y tế	Số cuộc Số người được tư vấn				2 cuộc /23 người tư vấn	2 cuộc /16 người tư vấn	2 cuộc /10 người tư vấn
.4	Truyền thông nhóm, thảo luận nhóm, nói chuyện chuyên đề...	Phụ nữ 15-49, người dân	Trạm y tế, cán bộ y tế	Số cuộc Số người được tư vấn				2 cuộc /22 người tư vấn	2 cuộc /24 người tư vấn	1 cuộc /12 người tư vấn
.5	Khác...				0	0	0	0	0	0
Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ CSSKSS/SKTD/KHHGD để nâng cao chất lượng dân số Kết quả (Theo hằng năm 2020-2025)										
.1	Tổ chức thực hiện Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ SKSS/SKTD/KHHGD để nâng cao chất lượng dân số	Người dân	BCĐ công tác dân số, cán bộ dân số, cán bộ y tế	Số xã triển khai Số người tham dự	1 xã /55		1 xã /60	0	0	0

.2	Tổ chức truyền thông vận động lồng ghép trong chiến dịch CSSKSS/SKTD/KHHGD/nâng cao chất lượng dân số...đến các vùng...(VD: mức sinh cao, mức sinh thấp, tỷ lệ sinh con thứ 3 cao, các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo...)	Người dân	BCĐ công tác dân số, cán bộ dân số, cán bộ y tế	Số xã triển khai Số người tham dự	0	0	0	0	0	0
.3	Hội thi, hội diễn văn nghệ...			Số lần số người tham dự	0	0	0	0	0	0
Hoạt động của các mô hình, đề án, câu lạc bộ Kết quả (Theo hằng năm 2020-2025)										
.1	Triển khai truyền thông nội dung các đề án, kế hoạch, chương trình đã được địa phương phê duyệt	Cán bộ chuyên trách, cán bộ y tế, người dân	Chi cục DS, trung tâm y tế, trạm y tế	Số cuộc Số người tham dự	0	0	0	0	0	0
.2	Mô hình Tư vấn miễn phí sức khỏe sinh sản tiền hôn nhân	Nam, nữ trong độ tuổi kết hôn	BQL mô hình điểm tư vấn miễn phí	Số cuộc Số người được tư vấn				2cuộc /42ng ười tư vấn	2cuộc /43ng ười tư vấn	1cuộc /21ng ười tư vấn
.3	Mô hình Tầm soát, chẩn đoán điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh	Nam, nữ trong độ tuổi kết hôn	Chi cục DS, TTYT, trạm y tế xã	Số cuộc Số người được tư vấn				2cuộc /42ng ười tư vấn	2cuộc /43ng ười tư vấn	1cuộc /21ng ười tư vấn
.4	Mô hình Giảm thiểu tảo hôn và kết hôn cận huyết thống	Nam, nữ trong độ tuổi kết hôn	Chi cục DS, TTYT, trạm y tế xã	Số cuộc Số người được tư vấn				2cuộc /42ng ười tư vấn	2cuộc /43ng ười tư vấn	1cuộc /21ng ười tư vấn

.5	Mô hình Tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn	Nam, nữ trong độ tuổi kết hôn	BQL mô hình điểm tư vấn miễn phí	Số cuộc Số người được tư vấn				2cuộc /42ng ười tư vấn	2cuộc /43ng ười tư vấn	1cuộc /21ng ười tư vấn
.6	Mô hình phòng khám sức khỏe sinh sản-KHHGD	Nam, nữ trong độ tuổi kết hôn	BCĐ công tác dân số	Số cuộc Số người tham dự	0	0	0	0	0	0
.7	Sinh hoạt CLB Sinh đủ hai con	Nam, nữ trong độ tuổi kết hôn	Chi cục DS, TTYT, trạm y tế xã	Số cuộc Số người tham dự	0	0	0	0	0	0
.8	Sinh hoạt CLB không sinh con thứ 3	Người dân	Chi cục DS, TTYT, trạm y tế xã	Số cuộc Số người tham dự	2cuộc/ 66 người tham dự		1cuộc /60ng ười tham dự	0	0	0
.9	Câu lạc bộ mất cân bằng giới tính khi sinh			Số cuộc Số người tham dự	1cuộc/ 45ng ười tham dự		1cuộc /60ng ười tham dự	0	0	0
.10	Sinh hoạt CLB Chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi	Người dân	Chi cục DS, TTYT, trạm y tế xã	Số cuộc Số người tham dự	1cuộc/ 59ng ười tham dự		1cuộc /62ng ười tham dự	0	0	0
.11	Sinh hoạt CLB Người cao tuổi giúp người cao tuổi	Người cao tuổi	Y tế thôn bản	Số cuộc Số người	1cuộc/ 59ng ười tham		1cuộc /62ng ười	0	0	0

				tham dự	dự		tham dự			
.12	Sinh hoạt CLB tiền hôn nhân	Nam, nữ thanh niên chuẩn bị kết hôn	Y tế thôn bản	Số cuộc Số lượt tham dự	0		0	0	0	0
.13	Truyền thông trong và ngoài nhà trường, trường chính trị <i>(Nêu tên và nội dung hoạt động)</i>			Số cuộc Số lượt tham dự	0	0	0	0	0	0
0	Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về truyền thông và giáo dục về DS&PT Kết quả (Theo hằng năm 2020-2025)									
0.1	Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ truyền thông, giáo dục về dân số và phát triển.			Số cuộc Số người tham dự	0	0	0	0	0	0

3. Kinh phí thực hiện Chương trình

(Báo cáo kinh phí từ nguồn địa phương đầu tư cho Chương trình 537)

STT	Nội dung	2020	2021	2022	2023	2024	2025
		0	0	0	0	0	0